TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18-12-2023
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tảo;

2. Bà Trần Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Vịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1983, vắng mặt.

Nơi ĐKHK: ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Cư trú tại: Ấp T, xã P, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Phương K, sinh năm 1982, vắng mặt,

Cư trú tại: Ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 5 năm 2023 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc G trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Phương K chung sống vợ chồng vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Tây

Ninh. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ, chồng chung sống bất đồng quan điểm, sống chung với cha mẹ chồng nhưng do cha mẹ chồng khó quá nên chị không thể sống chung được. Do đó chị đã bỏ nhà đi nơi khác sống từ tháng 5/2021 và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2021 đến nay. Chị yêu cầu được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Chị và anh K chung sống không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, chị không yêu cầu giải quyết.

** Đối với anh Nguyễn Phương K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.*

* Tại phiên toà sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc G và bị đơn anh Nguyễn Phương K, vắng mặt;

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc G được ly hôn với anh Nguyễn Phương K;

Về con chung: Không có nên không đặt ra giải quyết;

Về tài sản chung, nợ chung: Chị G không yêu cầu giải quyết;

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc G chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

+ Về kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 11/7/2023, chị Nguyễn Thị Ngọc G có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Ngọc G. Anh Nguyễn Phương K đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Phương K.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc G và anh Nguyễn Phương K tự nguyện chung sống vợ, chồng vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị G yêu cầu ly hôn, Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng anh K không đến. Qua thu thập chứng cứ thể hiện: Chị G và anh K chung sống tại tổ 9, ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh từ năm 2017, đến năm 2021 thì anh, chị không còn chung sống nữa, chị G bỏ đi nơi khác sống từ năm 2021 đến nay. Chị G và anh K không còn chung sống với nhau từ năm 2021 đến nay. Hiện nay anh K không có mặt tại địa phương, anh K đi làm ăn thỉnh thoảng có về nhà, nhưng thường về lúc chiều tối. Mặt khác, chị G trình bày chị và anh K đã sống ly thân từ từ tháng 5/2021 đến nay. Điều này thể hiện giữa chị G và anh K không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy chị G và anh K thời gian sống ly thân đã hơn hai năm, cuộc sống hôn nhân giữa chị G và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có nên không đạt ra giải quyết;

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc G không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc G. Chị Nguyễn Thị Ngọc G được ly hôn với anh Nguyễn Phương K.

2. Về con chung: Không;

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc G không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0004484 ngày 27

tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị Nguyễn Thị Ngọc G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Chị Nguyễn Thị Ngọc G và anh Nguyễn Phương K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- PKTNV và THA TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- UBND xã Trà Vong, huyện Tân Biên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (N^{o}).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Na